

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
	Tổng số					1.993.100	1.078.000	20.208	446.500
	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG VÀ ĐẦU GIÁ ĐẤT					1.993.100	1.078.000	20.208	
A	Thực hiện dự án					1.260.751	1.078.000	20.208	
I	Giao thông					558.550	997.200	20.208	
I.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022					250.550	677.200	20.208	
1	Đường song hành phía Đông Quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700		9.000			
2	Dự án Kè sông Vàm Mương - Lòng Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136		4.350			
3	Dự án cải tạo đường Hùng Vương – thành phố long khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	156.854		35.000			
4	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	2020-2022	92.880				20.208	
5	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91.564		30.000			
6	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	128.700		14.000			
7	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26.092		8.200			
8	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tối đa 5 năm	783.000		-	70.000	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
	Trong đó								
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện						60.000		
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện						10.000		
9	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	388.000			20.000		
10	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	tối đa 5 năm	671.200		-	40.000	-	
	Trong đó								
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện						40.000		
11	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	77.971		16.500			
12	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	79.788		18.500			
13	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.289.160		100.000	100.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
14	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53.058		15.000			
15	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000			200.000		
16	Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	614.100			15.000		
17	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	2022-2025	646.000			179.200		
18	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	2022-2025	118.168			50.000		
19	Dự án đường ven sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa (thiết kế bản vẽ thi công)	BH	tối đa 6 năm	573.904			3.000		
I.2	Khởi công mới năm 2022					308.000	320.000	-	
I.2.1	Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng					135.000	100.000	-	
1	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	2022-2025	266.740			100.000		
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000 - Km2+000	TN	2022-2024	59.085		12.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
	Trong đó								
a	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000 - Km2+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					2.000			
b	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000- Km2+000 do UBND huyện Thống Nhất thực hiện bồi thường					10.000			
3	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	ĐQ	2022-2025	238.883		120.000			
4	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch	NT	2022-2024	48.740		3.000			
I.2.2	Khởi công mới năm 2022					173.000	220.000	-	
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000			200.000		
2	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 6 năm	1.506.538		100.000			
3	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 3 năm	36.233		8.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
4	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	2022-2024	77.600		20.000			
5	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMĐT)	XL	2022-2025	113.500		25.000			
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 39 tỷ), chưa triển khai do UBND thành phố Biên Hòa chưa thực hiện bồi thường	BH	2022-2025	88.609		20.000			
7	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMĐT)	XL	2022-2025	174.500			20.000		
II	Công trình công cộng tại các đô thị					19.000	-	-	
II.1	Dự án chuyển tiếp năm 2022					19.000	-	-	
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2022	181.919		19.000			
III	Cấp nước, thoát nước					121.426	74.000	-	
III.1	Dự án chuyển tiếp năm 2022					121.426	74.000	-	
1	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	Tối đa 4 năm	267.620		35.000	-	-	
	Trong đó:								
a	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư					20.000			
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện					15.000			
2	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2022	31.368		10.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời hạn thi công	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
3	Hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830		35.000			
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	tiến độ Hiệp d	6.610.252		8.426			
5	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	ĐQ	tối đa 5 năm	65.062		28.000			
6	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	7.962		5.000			
7	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	216.200			74.000		
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					314.395	-	-	
IV.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022					211.395	-	-	
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ)	ĐQ	2017-2022	243.000		40.000			
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601		60.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
3	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa - dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2021	373.172		10.500	-	-	
	Trong đó:								
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa					10.000			
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện					500			
4	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	35.714		6.000			
5	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	2019-2021	45.816					
6	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	544.659		50.000			
7	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	29.094		9.895			
8	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	131.058		35.000			
IV.2	Khởi công mới năm 2022					103.000	-	-	
IV.2.1	Thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng					53.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
1	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2022-2025	377.000		53.000			
IV.2.2	Khởi công mới năm 2022					50.000	-	-	
1	Kiên cố hóa kênh mương Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường)	NT	2022-2025	207.624		50.000			
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					100.000	-	-	
V.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022					100.000	-	-	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000		100.000			
VI	Quốc phòng					15.000	-	-	
VI.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022					15.000	-	-	
1	Dự án Quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		2019-2023	125.000		15.000			
VII	Môi trường					15.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022					15.000	-	-	
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	2020-2023	73.641		15.000			
VIII	Văn hóa			83.915		50.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2022					50.000	-	-	
1	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	2022-2025	83.915		50.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
IX	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch (kể cả các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)					50.000			
B	Chuẩn bị đầu tư					17.380	6.800	-	
1	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	tối đa 5 năm	145.437		500			
2	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	tối đa 5 năm	124.000		400			
3	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 5 năm	99.247		500			
4	Dự án Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	30.100		100			
5	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST 100%)	TN	Tối đa 4 năm	199.000		400			
6	Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	183.000		500			
7	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	169.230		300			
8	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	189.220		300			
9	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	59.160		500			
10	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	161.500		500			
11	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000		1.000			
12	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	816.335		100			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời hạn thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
13	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	1.545.000		1.000			
14	Đường Phước Bình - Bàu Cạn - Cẩm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620.860		1.000	800		
15	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	tối đa 4 năm	99.841		500			
16	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	38.300		500			
17	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	91.426		300			
18	Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	49.998		1.000			
19	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	TP	41.923		500			
20	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC	Tối đa 4 năm	187.881		1.000			
21	Dự án triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác PCCC	BH	tối đa 3 năm	7.027		100			
22	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN	tối đa 3 năm	29.428		400			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
23	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025	ĐN	tối đa 5 năm	988.000		1.000			
24	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	tối đa 5 năm	101.143		500			
25	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất	TN	tối đa 4 năm	299.854		500			
26	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 4 năm	287.180		1.500			
27	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	151.440		500			
28	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 4 năm	148.148		500			
29	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000		500			
30	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT	Tối đa 4 năm	92.987		500			
31	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	tối đa 3 năm	11.800		100			
32	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.330		50			
33	Dự án Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 3 năm	12.000		10			
34	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ	tối đa 5 năm	103.241		10			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời hạn thi công	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
35	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	tối đa 3 năm	68.022		20			
36	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 4 năm	130.000		20			
37	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST 100%)	TP	tối đa 4 năm	130.000		20			
38	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	157.767		20			
39	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST 100%	XL	tối đa 4 năm	116.110		10			
40	Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920		30			
41	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	tối đa 4 năm	107.180		20			
42	Trạm xử lý nước thải 2000 m3/ ngày đêm tại Trung tâm Ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	Tối đa 3 năm	32.700		20			
43	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	100.000		20			
44	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	87.026		20			
45	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	107.070		20			
46	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	59.770		20			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
47	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	55.030		20			
48	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	BH	tối đa 3 năm	163.110		20			
49	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	201.643		20			
50	Dự án Kè gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiện Tân (khu vực chùa Phổ Đà và đình cong Tân An), huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 4 năm	273.250		10			
51	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm Bến xe Long Khánh và điểm công viên tượng đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400			520		
52	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST 100%)	LT-NT	Tối đa 4 năm	1.493.500			520		
53	Đầu tư tuyến đường Xuân Quê đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST 100%)	CM-LK	tối đa 4 năm	462.270			1.000		
54	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT.774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST 100%)	TP-ĐQ	tối đa 4 năm	852.060			1.800		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
55	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100-Km18+100 và đoạn từ km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST 100%)	L-ĐQ-V	tối đa 4 năm	935.910			1.000		
56	Đầu tư xây dựng đường 25C đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường liên cảng (NST 100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780			500		
57	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310.000			500		
58	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620			20		
59	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.310			20		
60	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST 100%,)	NT	tối đa 4 năm	639.040			20		
61	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	tối đa 4 năm	359.650			20		
62	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	tối đa 4 năm	654.490			20		
63	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145.840			20		
64	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	160.090			20		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
65	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050			20		
C	Kế hoạch năm 2022 còn lại (chưa phân bổ chi tiết)					732.349		-	
	NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT								446.500
A	Thực hiện dự án								208.298
I	Y tế, dân số và gia đình								55.398
I.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022								55.398
1	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2020-2022	8.373					2.500
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	28.271					4.898
3	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.648					6.000
4	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	9.257					5.000
5	Trạm Y tế phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	2021-2023	6.478					5.000
6	Trạm Y tế phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.391					5.000
7	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm Y tế huyện Long Thành	LT	2021-2023	11.643					7.000
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	77.496					20.000
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								77.300
II.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022								6.300
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (NST100%)	LT	tối đa 3 năm	12.995					4.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	11.130					2.300
II,2	Khởi công mới năm 2022								71.000
1	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	NT	2022-2024	14.900					8.000
2	Dự án đầu tư xây dựng mới khối lớp học 03 tầng của Trường cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai	LT	2022-2024	14.983					8.000
3	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	2022-2024	36.360					15.000
4	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	2022-2025	152.062					40.000
III	Văn hóa								21.600
III.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022								21.600
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	BH	2018-2022	146.000					6.600
2	Làng Văn hoá Đồng bào Chơro xã Bảo Vinh	LK	2019-2022	73.000					10.000
3	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai	BH	2021-2023	14.940					5.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022				
					Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT
IV	Giao thông								30.000
IV.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022								30.000
1	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	tối đa 05 năm	297.932					30.000
V	Quốc phòng								14.000
V.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2022								14.000
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 05 năm	91.092					14.000
VI	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội (kể các các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)								10.000
B	Chuẩn bị đầu tư			770.952					3.460
1	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Định Quán	ĐQ	2022-2024	10.790					20
2	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.769					30
3	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 3 năm	15.000					30
4	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC		149.274					30
5	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, khống chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	TB	tối đa 3 năm	25.930					100

[illegible]